

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CẦN GIUỘC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH LONG AN

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày: 19-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Chí;
2. Ông Nguyễn Thanh An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Trần Ngọc T, sinh năm: 1976, địa chỉ: Ấp Long T, xã Long Tr, huyện C1, tỉnh L . (có mặt)

2. Bị đơn:

Ông Trương Văn C, sinh năm: 1973, địa chỉ: Ấp Phước K, xã Phước L, huyện C, tỉnh L ; (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1972, địa chỉ: Ấp Phước K, xã Phước L, huyện C, tỉnh L ; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Ông Trần Ngọc T trình bày:

Ông Trần Ngọc T và ông Trương Văn C, sinh năm: 1973, địa chỉ: Ấp Phước K, xã Phước L, huyện C, tỉnh L thỏa thuận hợp đồng vay tài sản không tính lãi số tiền 130.000.000 đồng, ngày cho vay là 21/02/2020, ngày đến hạn 28/02/2020.

Tính đến nay, ông C chưa trả tiền vốn cho ông Tiền. Khi cho vay, hai bên lập văn bản đánh máy có tiêu đề giấy mượn nợ đề ngày 21/02/2020, do ông C trực tiếp ký tên vào. Khi cho vay thì ông C không có nói cho Ông T biết mục đích vay để làm gì, Ông T đã đưa tiền mặt là 130.000.000 đồng cho ông C. Việc vay tiền này diễn ra giữa ông C và ông Tiền, vợ của ông C là Bà Huỳnh Thị H không có ký tên vay tiền, cũng không biết việc vay này, do Ông T và ông C là thông gia với nhau, mọi chuyện đều do ông C quyết định hết. Số tiền vay là tài sản riêng của ông Tiền, vợ Ông T không biết sự việc này. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T thì đề nghị Tòa án tuyên cho ông Trương Văn C trả số tiền 130.000.000 đồng cho riêng ông Tiền. Ông Trần Ngọc T xác định Ông T yêu cầu ông Trương Văn C trả số tiền 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông T chỉ yêu cầu ông Trương Văn C trả, không yêu cầu Bà Huỳnh Thị H liên đới trả.

Bị đơn là ông Trương Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Huỳnh Thị H đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng ông C và bà H đều vắng mặt không có lý do. Ông C và bà H cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của ông bà đối với yêu cầu trả lại số tiền vốn vay của ông Trần Ngọc Tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và nơi cư trú bị đơn ở xã Phước Lâm, huyện C, tỉnh L . Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Trần Ngọc T có ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Huỳnh Văn Tân. Tại phiên tòa, Ông T trình bày ông chấm dứt ủy quyền với ông Tân, trực tiếp tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.3] Bị đơn là ông Trương Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng ông C và bà H đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà H.

[1.4] Tại đơn khởi kiện, Ông Trần Ngọc T yêu cầu ông Trương Văn C và Bà Huỳnh Thị H liên đới trả số tiền 130.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Ông T xác định chỉ yêu cầu ông Trương Văn C trả số tiền 130.000.000 đồng, không yêu cầu bà H trả. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của Ông T là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.5] Tại phiên tòa Ông T trình bày số tiền vay là tài sản riêng của ông Tiền, vợ Ông T không biết sự việc này. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T thì đề nghị Tòa án tuyên cho ông Trương Văn C trả số tiền 130.000.000

đồng cho riêng ông Tiền. Lời trình bày của Ông T phù hợp với ý kiến của vợ Ông T là bà Nguyễn Em C, sinh năm: 1969, địa chỉ: Ấp Long Th, xã Long Tr, huyện C1, tỉnh L nên Hội đồng xét xử không xem xét đưa vợ của Ông T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Nội dung vụ án:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng vay tài sản: Văn bản có tiêu đề “Giấy mượn nợ” ngày 21/02/2020 được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, Ông T có cung cấp được bản chính Văn bản viết tay của ông C có thừa nhận vay số tiền là 130.000.000 đồng. Nội dung văn bản có thể hiện: “*Ông Trương Văn C, sinh năm: 1973, CMND 300697877, hộ khẩu thường trú Ấp Phước K, xã Phước L, huyện C, tỉnh L có mượn của Ông Trần Ngọc T số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Thời gian cho mượn từ ngày 21/02/2020 đến ngày 28/02/2020*”. Ông Trương Văn C đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng ông Trương Văn C đều vắng mặt không có lý do. Ông Trương Văn C cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của ông Trương Văn C đối với yêu cầu của ông Tiền. Ông Trương Văn C đã từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án, xác định ông Trương Văn C có nợ Ông Trần Ngọc T số tiền là 130.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Trương Văn C có trách nhiệm trả cho Ông Trần Ngọc T số tiền vốn là 130.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông T không yêu cầu ông C trả lãi.

[4] Về án phí: Ông Trương Văn C phải chịu án phí 6.500.000 đồng. Hoàn lại cho Ông Trần Ngọc T số tiền tạm ứng án phí là 3.250.000 đồng theo biên lai thu số 0008077 ngày 26/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh L .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Áp dụng Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Ngọc T về việc buộc Bà Huỳnh Thị H trả số tiền vốn vay là 130.000.000 đồng.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Ngọc Tiền về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Trương Văn C.

Buộc ông Trương Văn C có trách nhiệm trả cho Ông Trần Ngọc T số tiền vốn là 130.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Ông Trương Văn C phải chịu án phí 6.500.000 đồng. Hoàn lại cho Ông Trần Ngọc T số tiền tạm ứng án phí là 3.250.000 đồng theo biên lai thu số 0008077 ngày 26/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh L .

4. Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L ;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa